TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-10-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ
Bà Bùi Bích Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên tòa: Bà Mạc Minh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 283/2019/TLST–HNGĐ ngày 12/9/2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* anh **Trần Văn T**
Địa chỉ: Thôn 05, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)
- *Bị đơn:* chị **Hồ Thị N**
Địa chỉ: Thôn 05, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)
Chỗ ở: Tổ 05, xã T, huyện T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2019, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hồ Thị N kết hôn trên vào ngày 14/12/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa hợp đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ, chửi bới nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 09/2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nga có 01 con chung tên là Trần Hồ Thanh K, sinh ngày 12/5/2018, hiện tại đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn anh có nguyện vọng để chị N là người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng các bên đã thỏa thuận số tiền là 1.500.000đ.

Về tài sản và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cũng như đề nghị tống đạt các văn bản đến bị đơn cho Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2019 chị Hồ Thị N trình bày: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T nhậu nhẹt, say xỉn và đánh đập. Vợ chồng sống ly thân được 01 năm nay, nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý. Nhưng do điều kiện đang ở xa nên chị N đề nghị Tòa án xin vắng mặt.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Trần Hồ Thanh K, sinh ngày 12/5/2018. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Tòa án về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân giải quyết cho anh T được ly hôn với chị N, về con chung giao cháu K cho chị Nga trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là: 1.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* anh Trần Văn T và chị Hồ Thị N kết hôn vào ngày 14/12/2017 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Yên. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T: Qua lời khai của các đương sự đều thống nhất sau khi kết hôn đến tháng 8/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ chửi bới nhau nên chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện T, tỉnh Q sinh sống. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau đồng thời cũng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Các đương sự đều có yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: anh T và chị N có 01 con chung là Trần Hồ Thanh K, sinh ngày 12/5/2018, nguyện vọng của các đương sự thỏa thuận để con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền: 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 11/2019 trở đi cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí:* anh Trần Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Hồ Thị N.

2. Về con chung: Giao cho chị Hồ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Trần Hồ Thanh K, sinh ngày 12/5/2018. Anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền: 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 11/2019 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

KÓ tõ khi bản án cã hiÖu lùc ph¸p luËt, chị N cã ®¬n yªu cÇu thi hµnh ¸n mµ anh T chËm tr¶ khoản tiền cấp dưỡng trên th× ph¶i tr¶ l·i ®èi vÍi sè tiÒn chËm tr¶ t-¬ng øng vÍi thêi gian chËm tr¶; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 1300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0004591 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Anh T còn phải nộp số tiền 150.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**